

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC (VAAL)

ML

MỤC LỤC

Trang

1	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 - 07
5	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 08
6	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 18
7	BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ	19 - 19
8	BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MẪU 01/BCXS)	20 - 21
9	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÉ (MẪU 02/BCXS)	22 - 22
10	BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỶ NỢ VÀ ĐẢM BẢO THANH TOÁN CỦA ĐẠI LÝ XÓ SỐ (MẪU 03/BCXS)	23 - 30
11	BÁO CÁO TÌNH CHI TRẢ HOA HỒNG ĐẠI LÝ VÀ CHI ỦY QUYỀN TRẢ THƯỞNG (MẪU 04/BCXS)	31 - 34
12	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2014 (MẪU 05/BCXS)	35 - 35

100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tông Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ban Giám đốc và các phòng ban trong năm 2014 và tại ngày lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Thời hạn bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
- Ông Thái Khắc Ngọ	Giám đốc	-	-	12/11/2014
- Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc	01/12/2014	5 năm	-
- Ông Nguyễn Đức Việt	Phó Giám đốc			
- Ông Đỗ Đình Hạnh	Phó Giám đốc			
Phòng kế toán				
- Ông Lương Hữu Đức	Trưởng phòng	-	-	12/11/2014
- Bà Trần Thị Diệp Thảo	Trưởng phòng	02/12/2014	5 năm	-
Người đại diện theo pháp luật				
- Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc			
Kiểm toán độc lập:	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc			

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính hiện hành.

Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bỏ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bỏ trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	33,00	23,05
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	67,00	76,95
1.2 Bỏ trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	42,20	32,56
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	57,80	67,44

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,37	3,07
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,59	2,36
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,03	1,51
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	12,35	10,82
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	9,64	8,13
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	31,78	29,12
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	24,80	21,88
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	42,84	32,44

Ngày 26 tháng 03 năm 2015

Chức vụ Ban Giám đốc



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC
7 Nam Quốc Cang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3925 1360 Fax: (84-8) 3925 1359
Số: 15031908012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xô Sô Kiến Thiết Lâm Đồng được lập ngày 26/03/2015, từ trang 05 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm Toán Viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không được tham gia chứng kiến việc kiểm kê tiền mặt tại quỹ của Công ty tại ngày 31/12/2014.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2015



LE QUỐC HIỆU

Giám đốc

GCNĐKHNKT số: 0209-2013-160-1

PHẠM QUỐC HẢI

Kiểm toán viên

GCNĐKHNKT số: 1168-2013-160-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	HÌNH THỨC MINH	COLUMN	ĐƠN VỊ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.939.443.871	304.766.186.113
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	204.828.502.581	194.558.823.564
Tiền	111		4.828.502.581	170.558.823.564
Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000.000	24.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		100.702.047.359	107.303.412.517
Phải thu của khách hàng	131	V.02	73.551.849.719	63.882.383.233
Trả trước cho người bán	132	V.03	804.211.023	1.536.134.104
Các khoản phải thu khác	135	V.04	26.345.986.617	42.003.293.730
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(118.398.550)
Hàng tồn kho	140	V.05	1.969.203.816	2.359.596.436
Hàng tồn kho	141		1.969.203.816	2.359.596.436
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.439.690.115	544.353.596
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	359.291.530	364.732.960
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		8.816.990.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	263.408.585	179.620.636
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.075.685.169	91.298.512.844
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		86.044.712.705	78.521.226.905
TSCĐ hữu hình	221	V.08	43.945.534.653	45.647.668.057
Nguyên giá	222		58.058.169.064	57.145.175.098
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.112.634.411)	(11.497.507.041)
TSCĐ vô hình	227	V.09	32.407.632.597	7.775.220.813
Nguyên giá	228		32.934.771.611	7.887.044.173
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(527.139.014)	(111.823.360)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	9.691.545.455	25.098.338.035
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.875.383.633	12.077.219.190
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	2.305.510.000	2.305.510.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(430.126.367)	(228.290.810)
Tài sản dài hạn khác	260		58.155.588.831	700.066.749
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	58.155.588.831	700.066.749
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		473.015.129.040	396.064.698.957

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG
Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	HÌNH THỨC MINH	SỐ CHỐT SẴM	SỐ DƯỚI MẶT
NỢ PHẢI TRẢ	300		199.595.306.479	128.940.845.178
Nợ ngắn hạn	310		199.595.306.479	128.940.845.178
Vay và nợ ngắn hạn	311		5.000.000.000	-
Phải trả cho người bán	312		-	288.640.000
Người mua trả tiền trước	313	V.14	407.028.987	337.880.423
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	116.904.975.547	47.849.052.408
Phải trả công nhân viên	315		5.490.604.761	4.974.006.531
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.16	3.268.817.154	6.353.032.584
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		67.248.178.750	67.248.178.750
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	V.17	1.275.701.280	1.890.054.482
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		273.419.822.561	267.123.853.779
Vốn chủ sở hữu	410	V.17	273.419.822.561	267.123.853.779
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		273.419.822.561	203.336.802.015
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	34.888.793.220
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	28.898.258.544
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		473.015.129.040	396.064.698.957

CÁC GIẢI THÍCH NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	HÌNH THỨC MINH	SỐ CHỐT SẴM	SỐ DƯỚI MẶT
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		126.015.069.733	152.605.619.568
Nợ khó đòi đã xử lý		(442.069.819)	(442.069.819)

me

Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng

me



Ngày 03 tháng 03 năm 2015

Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

me

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	VIỆC	THÀNH	SỐ	TIỀN	TRƯỜNG
	(Số)	(Mã)	2014	2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.399.854.812.079	1.225.302.884.387	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	182.306.853.525	159.481.846.775	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.217.547.958.554	1.065.821.037.612	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.043.720.755.749	909.776.063.453	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		173.827.202.805	156.044.974.159	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	15.132.549.487	2.640.077.243	
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	209.135.557	266.131.477	
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		7.300.000	37.840.667	
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.694.461.495	44.000.012.241	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.056.155.240	114.418.907.684	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	282.500.000	916.517.322	
12. Chi phí khác	32		-	10.909.091	
13. Lợi nhuận khác	40		282.500.000	905.608.231	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		150.338.655.240	115.324.515.915	
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	33.024.564.153	28.680.190.647	
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		117.314.091.087	86.644.325.268	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	

Handwritten signature

Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng

Handwritten signature



Vũ Địch Tuấn
Giám đốc

Handwritten signature

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

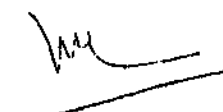
Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

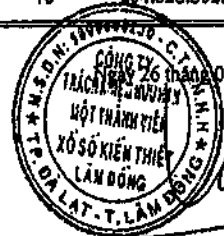
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

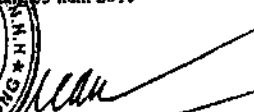
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	SỐ	2014	2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp hàng hóa dịch vụ và doanh thu khác	01	24.211.366.750	25.747.214.494
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(193.512.876.360)	(83.356.175.142)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.277.732.152)	(13.322.527.400)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.300.000)	(37.840.667)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(23.953.419.495)	(37.500.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	647.725.902.092	910.372.325.241
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(439.634.777.015)	(714.998.230.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.448.836.180)	86.904.766.226
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(5.172.726.853)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.718.515.197	2.417.990.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.718.515.197	(2.754.736.247)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.000.000.000	20.900.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.000.000.000)	(20.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	5.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.269.679.017	84.150.029.979
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	194.558.823.564	110.408.793.585
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	204.828.502.581	194.558.823.564


 Trần Thị Diệp Thảo
 Kế toán trưởng




 Vũ Đình Tuấn
 Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 687/UB-TC ngày 24/10/1992 và được chuyển đổi sang Công ty TNHH Một Thành Viên theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 21/07/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4204000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2005 và theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 số 5800000230 ngày 04 tháng 11 năm 2013.

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng là một doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Chủ sở hữu của Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Hình thức sở hữu vốn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Vốn điều lệ đăng ký: 141.000.000.000,00 VND

Trụ sở chính: Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng - Trung Tâm Thể Thao Đà Lạt

Địa chỉ: Số 29 Yersin, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mã số: 5800000230 - 002

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc. Chi tiết: hoạt động xổ số kiến thiết.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: dịch vụ lưu trú.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: dịch vụ ăn uống.
- Hoạt động của các cơ sở thể thao.
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: câu lạc bộ bóng đá.
- Dịch vụ du lịch. Quảng cáo trong khuôn viên Trung tâm thể thao CDSP - XSKT Đà Lạt.

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp, thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành.

Vì vậy, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở ngoài nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

3. Hình thức số kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại giao dịch tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá thuần do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG
Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình và vô hình

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian khấu hao Doanh nghiệp đăng ký trong khung khấu hao theo quy định

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
TSCĐ khác	04 - 25

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và chi phí mua (nếu có). Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập tại thời điểm cuối năm tài chính khi tổ chức kinh tế được Công ty đầu tư vào bị lỗ. Việc lập dự phòng tuân thủ theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài Chính.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

7. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các loại chi phí sau được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 12 tháng:

- Chi phí phát sinh liên quan đến một năm tài chính;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng một lần hoặc có giá trị nhỏ;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG
Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

b. Chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây sẽ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng nhiều lần hoặc có giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí lớn sửa chữa tài sản cố định;

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu và số được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo các quyết định phê duyệt.

Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận theo nguyên tắc là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.

Các quỹ của doanh nghiệp được trích lập theo thông tư 112/2007/TT-BTC ngày 19/09/2007 về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty xổ số kiến thiết do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

10. Ghi nhận các loại doanh thu

a. Doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu phải được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí liên quan. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu dịch vụ:

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, hoặc doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

b. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu ghi nhận vào doanh thu tài chính là:

- Lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là:

- Lãi vay và chi phí đi vay;
- Lỗ do thanh lý hoặc lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính;

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

13. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

14. Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước các loại:

- Thuế GTGT phải nộp
- Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt về kinh doanh xổ số (thuế suất 15%)
- Lợi nhuận thực hiện còn lại sau khi trích lập các quỹ.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành

LM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÒ SÓ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Cuối năm	Đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt tại quỹ	2.986.446.747	7.785.303.317
Tiền gửi ngân hàng	1.842.055.834	162.773.520.247
Các khoản tương đương tiền	200.000.000.000	24.000.000.000
Tổng cộng	204.828.502.581	194.558.823.564
2. Phải thu của khách hàng		
Phải thu bên thứ ba	73.551.849.719	63.882.383.233
- Phải thu các đại lý vé số	73.549.050.841	63.882.383.233
- Đối tượng khác	2.798.878	-
Tổng cộng	73.551.849.719	63.882.383.233
3. Trả trước cho người bán		
Trả trước cho bên thứ ba	804.211.023	1.536.134.104
- Công ty TNHH Bao Bì Nhựa Thành Phú	243.936.000	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành An	-	48.949.998
- Công ty TNHH TM & DV Xây Dựng Hoàng Nguyên	-	-
- Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Kiến An	21.606.823	56.254.120
- Trung Tâm Xúc Tiến ĐT TM DL Lâm Đồng	240.000.000	800.000.000
- Công ty CP Xây Dựng Tân Long	-	345.076.486
- Công ty TNHH TV-TK-XD-TM-PT Đất và Lúa	100.000.000	-
- Công ty TNHH Minh Long 1	146.104.200	-
- Công ty khác	52.564.000	285.853.500
Tổng cộng	804.211.023	1.536.134.104
4. Các khoản phải thu khác		
Phải thu các trạm (1)	23.160.646.438	40.303.026.987
- Trạm TP. Hồ Chí Minh	14.026.493.215	12.575.334.987
- Trạm Cần Thơ	7.678.598.182	26.674.373.198
- Trạm Bảo Lộc	700.254.806	660.508.146
- Trạm Đà Lạt Trung tâm thể thao	755.300.235	392.810.656
Phải thu khác	3.185.340.179	1.700.266.743
- Lãi TGNH phải thu	1.992.000.000	80.000.000
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	228.660	19.861.010
- Phải thu khác	1.193.111.519	1.600.403.733
Tổng cộng	26.345.986.617	42.003.293.730
(1) Số dư phải thu các trạm được điều chỉnh trình bày từ các khoản phải thu nội bộ.		
5. Hàng tồn kho		
Công cụ, dụng cụ	155.450.000	279.913.636
Hàng hoá	1.813.753.816	2.079.682.800
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.969.203.816	2.359.596.436
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	1.969.203.816	2.359.596.436

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

luc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Cuối năm	Đầu năm
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí chờ phân bổ	21.520.163	49.500.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	337.771.367	315.232.960
Tổng cộng	359.291.530	364.732.960

7. Tài sản ngắn hạn khác
Tạm ứng cho nhân viên

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	46.947.736.441	164.190.527	-	47.111.926.968
Máy móc thiết bị	4.831.254.000	573.961.039	-	5.405.215.039
PTVT, truyền dẫn	4.809.486.649	-	-	4.809.486.649
Dụng cụ quản lý	374.879.828	174.842.400	-	549.722.228
TSCĐ khác	181.818.180	-	-	181.818.180
Tổng	57.145.175.098	912.993.966	-	58.058.169.064

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa, vật kiến trúc	8.616.561.594	2.710.374.457	1.138.962.469	10.187.973.582
Máy móc thiết bị	558.009.877	537.270.868	-	1.095.280.745
PTVT, truyền dẫn	2.075.240.011	390.766.991	-	2.466.007.002
Dụng cụ quản lý	189.883.339	79.354.519	-	269.237.858
TSCĐ khác	57.812.220	36.323.004	-	94.135.224
Tổng	11.497.507.041	3.754.089.839	1.138.962.469	14.112.634.411

Giá trị còn lại

Nhà cửa, vật kiến trúc	38.331.174.847			36.923.953.386
Máy móc thiết bị	4.273.244.123			4.309.934.294
PTVT, truyền dẫn	2.734.246.638			2.343.479.647
Dụng cụ quản lý	184.996.489			280.484.370
TSCĐ khác	124.005.960			87.682.956
Tổng	45.647.668.057			43.945.534.633

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Phần mềm máy tính	274.296.600	-	-	274.296.600
Quyền sử dụng đất	7.612.747.573	25.047.727.438	-	32.660.475.011
Tổng	7.887.044.173	25.047.727.438	-	32.934.771.611

Khấu hao lũy kế

Phần mềm máy tính	111.823.360	81.345.958	-	193.169.318
Quyền sử dụng đất	-	333.969.696	-	333.969.696
Tổng	111.823.360	415.315.654	-	527.139.014

Giá trị còn lại

Phần mềm máy tính	162.473.240			81.127.282
Quyền sử dụng đất	7.612.747.573			32.326.505.315
Tổng	7.775.220.813			32.407.632.597

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

me

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Cuối năm	Đầu năm
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua nhà đất số 6 Hồ Tùng Mậu	9.517.000.000	-
Xây dựng văn phòng 242 Ter Nguyễn Đình Chiểu	174.545.455	25.098.338.035
Tổng cộng	9.691.545.455	25.098.338.035
11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty Cổ phần Du Lịch Thung Lũng Vàng	10.000.000.000	10.000.000.000
- Số cổ phần	1.000.000	1.000.000
- Mệnh giá	10.000	10.000
- Đơn giá mua	10.000	10.000
- Tỷ lệ góp vốn	27,46%	27,46%
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	-
Giá trị thuần	10.000.000.000	10.000.000.000
12. Đầu tư dài hạn khác		
Đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần In và Phát hành sách Lâm Đồng	2.305.510.000	2.305.510.000
- Số cổ phần	162.100	162.100
- Mệnh giá	10.000	10.000
- Đơn giá mua bình quân	14.223	14.223
Dự phòng giảm giá đầu tư	430.126.367	228.290.810
Giá trị thuần	1.875.383.633	2.077.219.190
13. Chi phí trả trước dài hạn		
Số dư đầu năm	700.066.749	387.018.741
Tăng trong năm	58.145.757.331	1.147.122.122
Kết chuyển vào chi phí trong năm	690.235.249	834.074.114
Số dư cuối năm	58.155.588.831	700.066.749
14. Người mua trả tiền trước		
Cuối năm		Đầu năm
Bên thứ ba trả tiền trước	407.028.987	337.880.423
- Nhận tiền trước từ các đại lý vé số	407.028.987	337.880.423
Tổng cộng	407.028.987	337.880.423
15. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		
Cuối năm		Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	10.855.155.148	11.764.589.709
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.480.194.866	15.873.417.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.130.094.429	2.058.949.771
Thuế thu nhập cá nhân	1.127.283.741	3.392.753.249
Lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước	79.312.247.363	14.759.342.396
Tổng cộng	116.904.975.547	47.849.052.408

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Do đó, số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Cuối năm	Đầu năm
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn		
Tài sản chờ xử lý	-	4.253.836.210
Phải trả khác	3.268.817.154	2.099.196.374
Tổng cộng	3.268.817.154	6.353.032.584

17. Biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu và các quỹ (thuyết minh tại phụ lục I đính kèm trang số 19 báo cáo này.

Để thực hiện lộ trình tăng vốn điều lệ giai đoạn 2010 - 2015 do UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt thì trong những năm qua, vốn đầu tư của chủ sở hữu đã được bổ sung từ các quỹ. Cụ thể như sau:

Thời điểm	Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung từ quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
Năm 2010	-	10.500.000.000	10.500.000.000
Năm 2011	17.000.000.000	-	17.000.000.000
Năm 2012	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Năm 2013	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Năm 2014	44.273.665.069	-	44.273.665.069
Tổng cộng	10.500.000.000	10.500.000.000	109.773.665.069

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.399.854.812.079	1.225.302.884.387
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.397.685.877.030	1.222.694.159.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.168.935.049	2.608.724.883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	182.306.853.525	159.481.846.775
Thuế tiêu thụ đặc biệt	182.306.853.525	159.481.846.775
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.217.547.958.554	1.065.821.037.612
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	1.215.379.023.505	1.063.212.312.729
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	2.168.935.049	2.608.724.883
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.043.720.755.749	909.776.063.453
- Chi phí trả thương	769.954.860.160	653.274.743.230
- Chi phí phát hành	273.765.895.589	256.501.320.223
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.905.549.487	2.036.323.914
Cổ tức, lợi nhuận được chia	227.000.000	603.753.329
Tổng cộng	15.132.549.487	2.640.077.243

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Năm nay	Năm trước
6. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	7.300.000	37.840.667
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	201.835.557	228.290.810
Tổng cộng	<u>209.135.557</u>	<u>266.131.477</u>
7. Thu nhập khác		
Thu hồi nhà tình thương		
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	33.024.564.153	28.543.827.394
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	136.363.253
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>33.024.564.153</u>	<u>28.680.190.647</u>

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN


1. Các bên liên quan
Công ty có mối quan hệ liên quan với các cán bộ quản lý chủ chốt.
2. Giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan
Chi phí lương và thưởng của Ban quản lý điều hành công ty.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014
Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2014 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.
2. Số liệu so sánh
Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.


Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng




Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 Hồ Tùng Mậu, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ

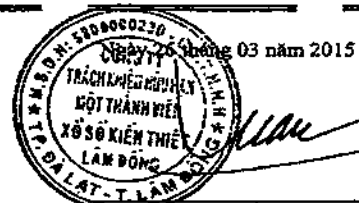
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2013	142.361.666.562	2.003.037.499	71.925.677.481	20.211.860.534	-
Tăng vốn trong năm 2013	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-	-
Chuyển nguồn từ đầu tư TSCĐ	43.030.181.841	-	(43.030.181.841)	-	-
Lãi trong năm 2013	-	-	-	-	86.863.980.105
Giảm vốn do điều chuyển TSCĐ	(2.055.046.388)	-	-	-	-
Trích quỹ từ LN trong năm 2013	-	3.550.287.282	25.993.297.580	8.686.398.010	(38.654.195.775)
Kết chuyển phải nộp Ngân sách	-	-	-	-	(48.209.784.330)
Chi trực tiếp từ quỹ	-	(3.663.270.299)	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	203.336.802.015	1.890.054.482	34.888.793.220	28.898.258.544	-
Số dư tại ngày 01/01/2014	203.336.802.015	1.890.054.482	34.888.793.220	28.898.258.544	-
Tăng vốn trong năm 2014	44.273.665.069	-	(44.273.665.069)	-	-
Chuyển nguồn từ đầu tư TSCĐ	25.809.355.477	-	(25.809.355.477)	-	-
Lãi trong năm 2014	-	-	-	-	117.314.091.087
Trích quỹ từ LN trong năm 2014	-	2.347.053.798	35.194.227.326	-	(37.541.281.124)
Kết chuyển phải nộp Ngân sách	-	-	-	(28.898.258.544)	(79.312.247.363)
Chi trực tiếp từ quỹ	-	(3.034.144.055)	-	-	-
Tăng khác	-	219.707.055	-	-	-
Giảm khác	-	(146.970.000)	-	-	(460.562.600)
Số dư tại ngày 31/12/2014	273.419.822.561	1.275.701.280	-	-	-

Handwritten signature

Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng

Handwritten signature



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc